

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/HS-ST
Ngày 26-7-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu.

2. Bà Trần Thanh Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Khởi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lôi Vĩnh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Trà Vinh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2023/HSST, ngày 04 tháng 7 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HS, ngày 11 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

1. Thạch Đặng T, sinh ngày 18/4/2001.

Nơi cư trú: ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chỗ ở hiện nay: ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: Phật; Con ông Thạch S, sinh năm 1972 và bà Sơn Thị Sô P, sinh năm 1974; Tiền án: Không; Tiền sự: 01 Vào ngày 31/12/2021 bị Công an xã Song Lộc, huyện Châu Thành ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 750.000đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, ngày 18/5/2022 Trường đã nộp xong.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 10/11/2022 đến ngày 13/11/2022 chuyển tạm giam cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo Thạch Đặng T: Bà Nguyễn Thị Hồng T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh – Thuộc Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

Bị hại: Em Kim Thị Ngọc T, sinh ngày 07/6/2008. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho người bị hại: Ông Kim Thanh H, sinh năm 1985 và bà Thạch Thị Ngọc R, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt có ủy quyền)

Ông H và bà R ủy quyền cho ông Thạch Chí L, sinh ngày 03/8/1990. Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Theo văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 11 năm 2022. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Kim Thị Ngọc T: Bà Trần Thị H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh – Thuộc Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh. (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Thạch S, sinh năm 1981. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2/ Ông Sơn Rịch T, sinh năm 1975. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người phiên dịch:* Ông Kim Hanh Sâm B, sinh năm 1985. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa: Không có.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 09/11/2022 bị cáo Thạch Đăng T điều khiển xe mô tô mang biển số 84H8 – 2596 trên hương lộ 13 hướng ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh về nhà tại ấp V, xã H, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh khi đi đến khu vực cầu số 2 thuộc ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh thì nhìn thấy em Kim Thị Ngọc T, sinh ngày 07/6/2008 đang chạy xe đạp điện ngược chiều, trên rổ xe đạp có một chiếc cặp học sinh trong chiếc cặp có 01 quyển sách âm nhạc và mỹ thuật lớp 9; 01 quyển sách ngữ văn lớp 9; 01 sách lịch sử lớp 9, 01 quyển sách lịch sử lớp 9; 01 quyển sách công nghệ lớp 9; 06 cuốn tập học sinh; 01 thước kẻ bằng nhựa (loại 30cm); 04 bút mực; 01 bút xóa; 01 bút dạ quang; 01 đề cương ôn tập; 01 sổ giấy ghi nhớ và số tiền 50.000đồng. Bị cáo T nghĩ trong cặp em Trân có nhiều tiền nên nảy sinh ý định lấy chiếc cặp của em T. Sau đó bị cáo T quay đầu xe lại chạy theo tiếp cận hỏi đường rồi bị cáo T dùng tay phải giật lấy chiếc cặp rồi nhanh chóng tẩu thoát. Trên đường đi bị cáo T dừng xe lại kiểm tra chiếc cặp và lấy số tiền là 50.000đồng bỏ vào túi áo còn cặp, sách, tập viết bị cáo T bỏ lại cặp lẻ lợ. Bị cáo T chạy xe về cầu số 5 thuộc ấp G, xã T, huyện T ném chiếc cặp xuống kênh rồi chạy về nhà. Số tiền cướp được bị cáo T tiêu xài

cá nhân hết. Sau khi sự việc xảy ra, em T đến Công an xã Lương Hòa A, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh trình báo sự việc.

Tại kết luận định giá tài sản số 10/KL- ĐGTS ngày 10/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Thành kết luận tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt có tổng giá trị là 345.000đồng. Ngoài ra ngày 06/01/2023 Cơ quan Cảnh sát điều Tra Công an huyện Châu Thành ra Quyết định trưng cầu giám định chữ viết.

Tại bản kết luận giám định số 16/LK - KTHS ngày 13/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận: Chữ viết trên giấy tập học sinh kích thước 15cm x20,3 cm bắt đầu từ “Phần một...” và kết thúc bằng từ “... nguyên tử” (ký hiệu A) so với chữ viết trên bản tự khai của Kim Thị Ngọc T ngày 13/11/2022 (ký hiệu M) do cùng một người viết ra.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T đã tác động gia đình là ông Thạch X (Chú ruột của bị cáo) đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nộp số tiền 1.000.000đồng (*Một triệu đồng*) để bồi thường cho em T.

Tại Bản cáo trạng số: 48/CT-VKS-HS, ngày 04/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo Thạch Đăng T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự .

Tại phiên tòa, bị cáo T thống nhất với nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” là hoàn toàn đúng. Bị cáo thống nhất với kết luận định giá tài sản và kết luận giám định, bị cáo không có ý kiến khác.

Bị hại và người đại diện cho bị hại thống nhất với kết luận định giá tài sản và kết luận giám định. Ngoài ra, không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự và có đơn yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Vị đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo T phạm tội “Cướp giật tài sản”

Xử phạt bị cáo Thạch Đăng T từ 03 (Ba) đến 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 10/11/2022.

Ngoài ra, Vị còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về xử lý vật chứng và xem xét cho bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm do bị cáo là người dân tộc Khmer sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa thống nhất và không có ý kiến tranh luận.

Đối với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Thạch Đăng T: Thống nhất với nội dung cáo trạng và tội danh mà vị đại diện Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Vị phân tích những tình tiết về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo từ đó Vị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất vì

hành vi vi phạm của bị cáo là nhất thời, không có dự tính trước. Trong quá trình điều tra bị cáo thật thà khai báo, bị cáo có tác động gia đình khắc phục hậu quả cho bị hại, tuy nhiên bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường và bị hại có đơn yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đó là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Vì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra vị còn đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự cho bị cáo do bị cáo là người dân tộc sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên thuộc diện được miễn nộp án phí hình sự.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại thống nhất với nội dung cáo trạng và tội danh mà vị đại diện Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo T. Trong vụ án này do bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo. Về trách nhiệm dân sự bị hại không yêu cầu gì và đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo T: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được sớm trở về với gia đình và bị cáo gửi lời xin lỗi đến bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Việc vắng mặt của bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp theo quy định của pháp luật không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và các đương sự có mặt tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[4] Lời khai nhận tội của bị cáo Trường tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, lời khai của bị hại cùng với các tài liệu, vật chứng và các chứng cứ khác do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành thu thập có được trong hồ sơ vụ án.

[5] Căn cứ vào các lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường cùng các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 12 giờ ngày 09/11/2022 bị cáo T một mình điều khiển xe mô tô mang biển số 84H8 – 2596 trên hương lộ 13 hướng ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh về nhà tại ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh khi đi đến khu vực cầu số 2 thuộc ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh thì bị cáo T nhìn thấy em Kim Thị Ngọc T, sinh ngày 07/6/2008 đang chạy xe đạp điện ngược chiều, trên rổ xe đạp có một chiếc cặp học sinh nên nảy sinh ý định giật lấy chiếc cặp. Sau đó bị cáo T quay đầu xe lại chạy theo tiếp cận gần giờ hỏi đường rồi bị cáo T dùng tay phải của bị cáo giật lấy chiếc cặp trên rổ xe của em T rồi nhanh chóng tẩu thoát.

Sau khi giật được chiếc cặp thì T phát hiện bên trong chiếc cặp của em T lúc này có tiền Việt Nam là 50.000đồng, 01 quyển sách âm nhạc và mỹ thuật lớp 9; 01 quyển sách ngữ văn lớp 9; 01 sách lịch sử lớp 9, 01 quyển sách lịch sử lớp 9; 01 quyển sách công nghệ lớp 9; 06 cuốn tập học sinh; 01 thước kẻ bằng nhựa (loại 30cm); 04 bút mực; 01 bút xóa; 01 bút dạ quang; 01 đề cương ôn tập; 01 sổ giấy ghi nhớ. Theo kết luận giám định có tổng giá là 345.000 đồng và số tiền 50.000.000 đồng. Tổng cộng là 395.000đồng (*Ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng*).

[6] Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo T đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng qui định của pháp luật.

[7] Xét thấy bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ sức khỏe để lao động tạo ra của cải vật chất để nuôi sống cho bản thân, giúp ích gia đình, góp phần xây dựng xã hội ngày một tốt hơn, nhưng bị cáo không làm được việc này, bị cáo không lo làm ăn mà muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo dùng thủ đoạn nguy hiểm để giật tài sản của người khác mà bị hại là người chưa thành niên, mục đích bị cáo cướp tài sản là để lấy tiền tiêu sài cá nhân.

[8] Xét thấy tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, thể hiện bị cáo xem thường pháp luật cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo. Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần lên cho bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[9] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Hội đồng xét xử cũng xem xét những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Không có. Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện sửa chữa bồi thường cho bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là, những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 1.000.000đồng (*Một triệu đồng*) của ông Thạch X đã nộp để khắc phục hậu quả cho bị hại vào ngày 31/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành thu theo biên lai thu tiền số 0001900. Nay bị hại không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự và ông Thạch X có yêu cầu nhận lại số tiền này nên Hội đồng xét xử nghĩ nên trả lại cho ông X.

[11] Về vật chứng: Nghi nên tịch thu tiêu hủy 01 (một) quần vải màu đen; 01 (một) áo thun màu đen; 01 (một) áo vải tay dài màu trắng; 01 (một) đôi dép nhựa và 01 (một) nón bảo hiểm của Thạch Đăng T.

[12] Đối với chiếc xe mô tô biển số 84H8-2596 của ông Sơn Rịch T Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã trả lại cho ông T. Ông T cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo T có phần có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[14] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[16] Về án phí hình sự sơ thẩm: Do bị cáo T là người dân tộc sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 268, 269, 299, 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố:

1. Bị cáo Thạch Đăng T phạm tội “Cướp giật tài sản”.
2. Xử phạt bị cáo Thạch Đăng T 3 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 10/11/2022.

3. Trả lại cho ông Thạch X số tiền 1.000.000đồng (*Một triệu đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001900 ngày 31/5/2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành thu của ông X.

4. Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) quần vải màu đen; 01 (một) áo thun màu đen; 01 (một) áo vải tay dài màu trắng; 01 (một) đôi dép nhựa và 01 (một) nón bảo hiểm của Thạch Đăng T.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Thạch Đăng T được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm đã tuyên.

Đối với bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Nguyễn Thị Liên